

# ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH XÃ HỘI HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

✍ NGUYỄN CHU DU\*

Ngày nhận: 12/10/2017  
Ngày phản biện: 16/10/2017  
Ngày duyệt đăng: 06/11/2017

**Tóm tắt:** Thực tế xã hội luôn biến đổi do đó đổi mới chương trình đào tạo đại học là một yêu cầu tất yếu, thường xuyên. Từ ngày đầu thành lập khoa Xã hội học, hội đồng khoa học của Nhà trường, của khoa luôn luôn đặt trọng tâm cần đổi mới chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tế để chuẩn bị cho sinh viên những hành trang tốt nhất khi làm việc. Trong thời kỳ phát triển của kinh tế tri thức đổi mới chương trình đào tạo càng đòi hỏi phải có sự thay đổi mạnh mẽ.

**Từ khóa:** Chương trình đào tạo, xã hội học, đổi mới

## RENOVATION OF THE SOCIOLOGY COLLEGE TRAINING PROGRAM

**Abstract.** The social reality is constantly changing, so the renewal of higher education is an inevitable requirement. Since the beginning of the establishment of the Faculty of Sociology, the science council of the School, the department has always put emphasis on the need to renovate the training program in accordance with practical requirements to prepare students for the best. working. In the period of the knowledge economy, the process of renovating the training program required a dramatic change.

**Keywords:** training program, sociology, reovation

### 1. Đặt vấn đề

Giáo dục nói chung trong đó có giáo dục đại học và chuyên nghiệp của thế giới đang phát triển nhanh chóng theo những xu hướng rõ rệt: đại chúng hoá, thị trường hoá, đa dạng hoá và quốc tế hoá. Quá trình đổi mới giáo dục đào tạo chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu tuy nhiên vẫn tồn tại những hạn chế như: “Nội dung chương trình còn nặng về lý thuyết... nhà trường chưa gắn chặt với đời sống kinh tế, xã hội; chưa chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu xã hội; chưa chú trọng giáo dục kỹ năng sống, phát huy tính sáng tạo, năng lực thực hành của học sinh, sinh viên” [1]

Trường đại học Công đoàn nói chung và Khoa Xã hội học nói riêng trong nhiều năm qua đã và đang tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo (CTĐT) với mục tiêu trang bị cho sinh viên vững kiến thức về lý thuyết và giải về thực hành để đáp ứng nhu cầu lao động của xã hội. Tuy nhiên với sự biến đổi nhanh chóng của xã hội đòi hỏi CTĐT phải đổi mới để trang bị một cách tốt nhất cho sinh viên sau khi ra trường.

### 2. Khái niệm chương trình đào tạo

Theo Wentling (1993): “Chương trình đào tạo (Program of Training) là một bản thiết kế tổng thể cho một hoạt động đào tạo (khóa đào tạo) cho biết toàn bộ nội dung cần đào tạo, chỉ rõ những gì có thể

trông đợi ở người học sau khóa đào tạo, phác thảo ra quy trình cần thiết để thực hiện nội dung đào tạo, các phương pháp đào tạo và cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và tất cả những cái đó được sắp xếp theo một thời gian biểu chặt chẽ.”

Theo Tyler (1949) cho rằng: “Chương trình đào tạo về cấu trúc phải có 4 phần cơ bản:

Mục tiêu đào tạo

Nội dung đào tạo

Phương pháp hay quy trình đào tạo

Cách đánh giá kết quả đào tạo [5]

Theo Luật giáo dục (2005) Chương trình giáo dục đại học thể hiện mục tiêu giáo dục đại học, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục đại học, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, cách thức đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học, ngành, nghề, trình độ đào tạo của giáo dục đại học; bảo đảm liên thông với các chương trình giáo dục khác.” [3]

Chương trình khung cho từng ngành đào tạo đối với trình độ cao đẳng, trình độ đại học bao gồm: cơ cấu nội dung các môn học, thời lượng đào tạo, tỷ lệ phân bổ thời gian giữa các môn học, giữa lý thuyết và thực hành, thực tập. Căn cứ vào chương trình

\* Trường Đại học Công đoàn

khung, trường cao đẳng, trường đại học xác định chương trình đào tạo của trường mình (Điều 41- Luật Giáo dục 2005)

Qua nghiên cứu các tài liệu trong và ngoài nước liên quan đến lĩnh vực phát triển CTĐT, tác giả nhận thấy rằng thuật ngữ CTĐT có nhiều cách hiểu khác nhau. Theo nghĩa rộng, CTĐT của một trường là tất cả các module được cung cấp. Ở các nước phát triển, CTĐT được xác định là tập hợp các học phần mà nhà trường cung cấp, tùy thuộc vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên muốn theo đuổi. Một số quốc gia đang phát triển lại xem CTĐT là tập hợp các chuyên đề hay môn học được quy định cho khóa học mà người học phải thực hiện để đạt được trình độ giáo dục đó. Ở các trường đại học Việt Nam, CTĐT được hiểu là một tập hợp các học phần được thiết kế cho một ngành đào tạo nhằm bảo đảm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp sau này. Ở khía cạnh rộng hơn, CTĐT còn được hiểu bao gồm cả những chuyên đề không được cung cấp trong nhà trường mà yêu cầu người học phải tích lũy đủ kiến thức và kỹ năng (ví dụ như các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học...).

### **3. Các cách tiếp cận phát triển chương trình đào tạo**

#### **3.1 Tiếp cận nội dung (Content Approach)**

Với quan niệm giáo dục là quá trình truyền thụ nội dung-kiến thức, chương trình đào tạo chú trọng hình thành hệ thống nội dung đào tạo và việc trang bị cho người học hệ thống tri thức, kỹ năng cơ bản. Cách tiếp cận này tạo điều kiện hình thành ở người học hệ thống các tri thức khoa học đầy đủ song dễ gây hiện tượng dạy học thụ động, quá tải, nặng về ghi nhớ, nhồi nhét nội dung trong một thời gian đào tạo hạn chế, không phù hợp với sự phát triển nhanh chóng về khoa học và công nghệ hiện nay khi mà có sự bùng nổ theo hàm số mũ về tri thức khoa học ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Người ta đã dự tính sau 5-6 năm khối lượng tri thức nhân loại tăng gấp đôi.

#### **3.2. Tiếp cận mục tiêu (Objective Approach)**

Chương trình đào tạo được thiết kế xuất phát từ mục tiêu đào tạo. Chương trình thể hiện cả quá trình đào tạo (mục tiêu, nội dung, phương pháp, quy trình, đánh giá) và chú trọng kết quả đầu ra (mục tiêu) của quá trình đào tạo. Mục tiêu được xác định rõ ràng, cụ thể, có thể định lượng được để là cơ sở đánh giá. Ưu điểm cơ bản của cách tiếp cận này là tạo sự tường minh và quy trình chặt chẽ, quy chuẩn của cả quá trình đào tạo, dễ kiểm tra, đánh giá nhưng cũng có nhược điểm là tạo ra sự cứng nhắc, khuôn mẫu, đồng nhất trong quá trình đào tạo chưa quan tâm đến tính đa dạng và nhiều khác biệt của các nhân tố

trong quá trình đào tạo như người học, môi trường văn hoá - xã hội v.v...

#### **3.3. Cách tiếp cận phát triển: (Developmental Approach)**

Trên cơ sở quan niệm “Chương trình là một quá trình và giáo dục là sự phát triển.” Giáo dục là quá trình học tập suốt đời (không chỉ đơn thuần vì một mục đích cuối cùng cụ thể nào) và phải góp phần phát triển tối đa mọi năng lực tiềm ẩn trong mỗi con người do đó chương trình đào tạo phải chú trọng đến sự phát triển hiểu biết và năng lực, đến nhu cầu, lợi ích, định hướng giá trị ở người học hơn là truyền thụ nội dung kiến thức đã được xác định trước hay tạo nên sự thay đổi hành vi nào đó ở người học. Các tiếp cận này tập trung vào tổ chức hoạt động dạy - học với nhiều hình thức linh hoạt và đa dạng, tạo cơ hội cho người học tìm kiếm, thu thập thông tin và chiếm lĩnh tri thức v.v... Cách tiếp cận này có nhiều ưu điểm song cũng có những khó khăn khi tổ chức thực hiện do tính đa dạng về sở thích, khả năng, nhu cầu của người học và những hạn chế về các điều kiện đào tạo (phương tiện, tài liệu v.v...) .

#### **3.4. Tiếp cận hệ thống**

Theo quan niệm chương trình là bản thiết kế tổng thể quá trình đào tạo từ khâu đầu (tuyển chọn) đến khâu cuối (kết thúc khóa học) với một hệ thống các hoạt động đào tạo theo một trình tự chặt chẽ, kết hợp và tác động qua lại lẫn nhau nhằm thực hiện các nội dung và đạt được các mục tiêu cụ thể trong các giai đoạn của quá trình đào tạo. Tiếp cận hệ thống cho phép thiết kế và xây dựng các chương trình đào tạo có tính hệ thống, chặt chẽ và logic cao, làm rõ vai trò, vị trí, tác dụng của từng khâu, từng nội dung chương trình đào tạo đồng thời bảo đảm mối liên hệ, tác động qua lại giữa các thành tố của chương trình.

### **4. Những đổi mới về chương trình đào tạo của ngành Xã hội học-ĐHCD**

Đổi mới CTĐT là một yêu cầu từ phía xã hội đối với các cơ sở đào tạo. Trong 20 năm phát triển với các khóa sinh viên ra trường tùy vào từng điều kiện thực tế chương trình đào tạo ngành Xã hội học đã có những thay đổi nhất định (xem *bảng 1*).

Kết quả phân tích số liệu thể hiện những lần thay đổi chương trình đào tạo có cấu trúc giữa các môn đại cương, môn cơ sở, môn cơ sở ngành, môn chuyên ngành, môn học thực tập thực tế ít thay đổi. Trong quá trình đổi mới chương trình đào tạo phải căn cứ vào chương trình khung của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở đó trường và khoa đã xây dựng chương trình đào tạo ngành xã hội học mang bản sắc của đại học Công đoàn.

**Bảng 1: Tỷ lệ môn học trong chương trình đào tạo ngành Xã hội học**

Nhóm kiến thức trong CTĐT		Khóa XH1 - XH3	Khóa XH4 - XH10	Khóa XH13 - XH14	Khóa XH15 - XH16	Khóa XH17 - XH20
Đại cương	Số lượng ĐVHT/TC	74	63	24	24	24
	Tỷ lệ %	32.2	32.6	17.1	17.4	18.5
Cơ sở	Số lượng ĐVHT/TC	60	43	19	19	17
	Tỷ lệ %	26.0	22.2	13.6	13.6	12.1
Cơ sở ngành	Số lượng ĐVHT/TC	29	6	21	21	20
	Tỷ lệ %	12.6	3.1	15.0	15.0	14.3
Chuyên ngành	Số lượng ĐVHT/TC	49	66	66	62	57
	Tỷ lệ %	21.3	34.2	47.1	44.3	40.7
Thực tế/tốt nghiệp	Số lượng ĐVHT/TC	18	15	10	12	12
	Tỷ lệ %	7.8	7.8	7.1	8.6	8.6
Tổng	Số lượng ĐVHT/TC	230	193	140	138	130
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100

Trong tương quan so sánh chương trình đào tạo của ngành Xã hội học trường ĐHCĐ với những trường khác đào tạo ngành XHH kết quả như sau (xem *bảng 2*).

**Bảng 2: So sánh chương trình đào tạo ngành Xã hội học trường đại học Công đoàn với các cơ sở đào tạo khác.**

Trường Chương trình	ĐHCĐ	KHXH&NV-ĐHQGHN	KHXH&NV-ĐHQGHCM
Đại cương	TC cần hoàn thành	24	23
	Tỷ lệ %	18.5	16.4
	Tổng số TC được lựa chọn	24	23
	Tỷ lệ %	100	100
Cơ sở	TC cần hoàn thành	17	17
	Tỷ lệ %	13.1	12.1
	Tổng số TC được lựa chọn	19	26
	Tỷ lệ %	89.4	65.3
Cơ sở ngành	TC cần hoàn thành	20	32
	Tỷ lệ %	15.4	22.9
	Tổng số TC được lựa chọn	24	42
	Tỷ lệ %	83.3	76.1
Chuyên ngành	TC cần hoàn thành	57	45
	Tỷ lệ %	43.8	32.1
	Tổng số TC được lựa chọn	63	70
	Tỷ lệ %	90.5	64.2
Thực tế/tốt nghiệp	TC cần hoàn thành	12	13
	Tỷ lệ %	9.2	9.3
	Tổng số TC được lựa chọn	12	13
	Tỷ lệ %	100	100
Tổng	TC cần hoàn thành	130	140
	Tỷ lệ %	100.0	100.0
	Tổng số TC được lựa chọn	142	174
	Tỷ lệ %	91.5	80.5

Kết quả phân tích bảng số liệu 2 thể hiện số lượng tín chỉ sinh viên cần hoàn thành của trường ĐHCĐ tương đương với các trường khác. Tuy nhiên chương trình đào tạo ngành XHH trường ĐHCĐ có số lượng tín chỉ được lựa chọn tương đối thấp so với những trường khác. Sự giới hạn các môn tự chọn sẽ làm cho tính cơ động/tính ứng dụng trong CTĐT bị hạn chế. Ngành XHH có đối tượng nghiên cứu là các mối quan hệ trong hệ thống xã hội do đó chương trình đào tạo bao quát các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, phát triển cộng đồng. Thực tế phản ánh chương trình đào tạo được xây dựng với tính chất hàn lâm quá lớn, tính nghề nghiệp của xã hội học còn mờ nhạt. Chính vì lẽ đó sinh viên sẽ khó có định hướng “nghề nghiệp” cụ thể sau khi tốt nghiệp ra trường. CTĐT ngành XHH đổi mới theo cách tiếp cận mục tiêu đòi hỏi người học phải đạt được số lượng đơn vị học trình/số tín chỉ nhất định. Mục tiêu của ngành là đào tạo cử nhân có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có ý thức, năng lực giao tiếp xã hội. Nắm vững phương pháp luận và kiến thức cơ bản về xã hội học, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Từ đó sinh viên khi ra trường có khả năng vận dụng kiến thức xã hội học góp phần vào việc nghiên cứu, giải quyết các vấn đề xã hội trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh và quốc phòng. Hiện nay, nhu cầu về tuyển dụng lao động chất lượng cao ngày càng lớn đòi hỏi các trường Đại học không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Một trong những yếu tố quyết định chất lượng đó chính là tăng khối lượng giờ thực tập, thí nghiệm thực hành trong chương trình đào tạo tại trường. Hoạt động thực tập tại các cơ sở sản xuất, các Công ty, Cơ quan Nhà nước... là cơ hội tốt cho sinh viên chuyên ngành kiểm nghiệm lại những kiến thức lý thuyết được ứng dụng vào trong thực tế như thế nào. Qua đó sinh viên có cái nhìn thiết thực về ngành nghề mình đang học, biết cách phát hiện các vấn đề phát sinh và đưa ra biện pháp công nghệ giải quyết trên cơ sở các kiến thức đã được học. Điều này giúp sinh viên có thêm động lực để học tập và tình yêu với ngành nghề mình đã chọn.

**5. Định hướng mục tiêu đổi mới xây dựng chương trình đào tạo ngành Xã hội học trong những năm tiếp theo**

Nhằm đáp ứng yêu cầu từ thị trường lao động, đồng thời giúp cho sinh viên có định hướng tốt hơn về nghề nghiệp tương lai chương trình đào tạo của ngành xã hội học cần xác định các mục tiêu định hướng

(Xem tiếp trang 50)

định cuộc sống là 3 nhóm chính sách quan trọng để hỗ trợ cho nữ giới và nhóm LGBT. Ví dụ như điều 111 Bộ luật Lao động nên xem lại việc áp dụng cho những công việc, ngành nghề hoặc vị trí mà nam giới chiếm đa số. Đây là sự bất bình đẳng vì đó là những chính sách ưu tiên và tạo thuận lợi cho nam giới trong công việc. Bên cạnh đó, các nhân viên Công tác xã hội cần có kiến thức tốt về tư vấn, phản biện và vận động chính sách cho nhóm nữ giới và nhóm LGBT. Trong bối cảnh hiện tại, việc ban hành một chính sách mới hỗ trợ riêng cho nhóm nữ giới và nhóm LGBT là cần thiết bởi không chỉ trực tiếp hỗ trợ cho họ mà còn hỗ trợ cho các mục tiêu quan trọng liên quan tới phát triển nguồn nhân lực, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật liên quan đến nữ giới và nhóm LGBT, công việc này không ai khác chính là chức năng, nhiệm vụ của các nhân viên công tác xã hội.

Tóm lại, nguyên tắc không định kiến giới phải được áp dụng vào tất cả các khía cạnh của quyền có việc làm và đào tạo nghề. Do đó, các nhà chức trách có nghĩa vụ đảm bảo để quyền có việc làm được thực thi mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào.

Các cơ quan, ban ngành phải tôn trọng quyền có việc làm bằng cách không khước từ hoặc hạn chế khả năng tiếp cận của mọi người, đặc biệt những cá nhân và nhóm người bị thiệt thòi và yếu thế với những việc làm xứng đáng. Bất kỳ sự phân biệt đối xử định kiến giới nào trong quyền được tiếp cận với thị trường lao động hoặc với các phương tiện và quyền lợi để có được việc làm đều cấu thành hành vi vi phạm Công ước Quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. □

### Tài liệu tham khảo

1. Alfaro, Jairo Acuna, Chủ biên, *Cải cách nền hành chính Việt Nam, thực trạng và giải pháp*, NXB Chính trị quốc gia, 2009
2. Marr, David G, *Vietnam 1945*, California University Press, 1997
3. PACT, *Vietnam Country Office, Civil Society and Climate Change in Vietnam: Actors, Roles, and Possibility*, May 2012
4. Revenue Watch Institute/PanNature, *Sử dụng EITI phục vụ cải cách chính sách: Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí EITI*, Hà Nội, tháng 3/2014
5. <http://laodong.com.vn/lao-dong-cuoi-tuan/bai-1-tran-trui-viec-lam-nguoi-chuyen-gioi-312446.bld>
6. [http://www.tin247.com/binh\\_dang\\_gioi\\_trong\\_lao\\_dong\\_viec\\_lam\\_cua\\_phu\\_nu-1-21388504.html](http://www.tin247.com/binh_dang_gioi_trong_lao_dong_viec_lam_cua_phu_nu-1-21388504.html)

## ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO...

(Tiếp theo trang 62)

nghề nghiệp theo các nhánh (phân ngành) của ngành xã hội học theo mục tiêu xã hội học ứng dụng.

- Nhánh kinh tế - xã hội
- Nhánh chính trị và các đoàn thể xã hội
- Nhánh Tổ chức và quản lý xã hội
- Nhánh Văn hóa xã hội
- Nhánh Nghiên cứu và phát triển xã hội

Muốn xây dựng chương trình đào tạo ngành Xã hội học theo các nhánh mang tính ứng dụng như vậy rất cần sự ủng hộ của Ban giám hiệu cũng như các khoa, phòng trong công tác đào tạo. Chương trình đào tạo cần được xây dựng cụ thể cho từng nhánh trên cơ sở của chương trình đã có kết hợp định hướng cho sinh viên theo mục tiêu nghề nghiệp bằng cách mở rộng các học phần tự chọn của cả kiến thức cơ sở, cơ sở ngành, và chuyên ngành. Đồng thời tăng thời lượng cho các học phần thực tập tại cơ sở để sinh viên có điều kiện thực hành theo các công việc cụ thể tại các đơn vị. Điều đó sẽ giúp cho sinh viên nâng cao kỹ năng, tay nghề của mình.

### 5. Kết luận

Đổi mới CTĐT là yếu tố sống còn trong quá trình đào tạo theo nhu cầu thị trường. Trong thời kỳ kinh tế tri thức hoàn thiện chương trình đào tạo ngành xã hội học sẽ giúp cho sinh viên vừa xác định mục tiêu nghề nghiệp, luyện tập tay nghề, trau dồi kiến thức để có một hành trang tốt nhất sau khi tốt nghiệp.

### Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2011), Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020, Hà Nội
2. R. Diamon (2003) Thiết kế và Đánh giá chương trình khoá học (Cẩm nang hữu dụng), NXB Đại học Quốc gia.
3. Luật Giáo dục 2005
4. Sổ tay sinh viên các trường: Đại học Công đoàn, ĐHKHXHVNV - ĐHQGHN; ĐHKHXHVNV - ĐHQGTPHCM.
5. Võ Văn Thắng (2010), Tiếp cận C-D-I-O để nâng cao chất lượng đào tạo đại học, cao đẳng ở Việt Nam, Hội thảo xây dựng chuẩn đầu ra và triển khai chương trình đào tạo theo mô hình CDIO, TP. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Retrieved from
6. [http://www.vnseameo.org/International\\_Conference2011/CD/Full%20Papers/Tieng%20Viet/Vo\\_Van\\_Thang.doc](http://www.vnseameo.org/International_Conference2011/CD/Full%20Papers/Tieng%20Viet/Vo_Van_Thang.doc)